**Tiết 8: ĐẠI TỪ**

**I Mức độ cần đạt**

- Nắm được khái niệm đại từ, các loại đại từ

- Có ý thức sử dụng đại từ theo nhu cầu giao tiếp.

**II Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

**1. Kiến thức**:

- Khái niệm đại từ.

**- Các loại đại từ tiếng Việt.**

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết được đại từ trong VB nói và viết.

**- Sử dụng đại từ phù hợp với y/c giao tiếp.**

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng đại từ trong giao tiếp.

**4. Định hướng phát triển năng lực cho HS**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề,

Năng lực sáng tạo,

Năng lực hợp tác

- Năng lực chuyên biệt: năng lực giao tiếp

**II. Chuẩn bị.**

- GV: Sơ đồ khuyết các loại từ loại, bảng phụ, PHT.

- HS : Soạn bài theo hướng dẫn của GV

**III. Tổ chức dạy và học.**

**1.Ổn định tổ chức (1’).**- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Có mấy loại từ láy”? Nêu sắc thái ý nghĩa của từ láy toàn bộ? Cho VD minh họa?

- Làm bài 4/SGK.

- Khoanh tròn vào chữ cái các từ láy.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đi đứng | D. Mơn man |
| B. Lả lơi | E. Rì rào |
| C. õng ẹo | F. Thon thả |

1. **Tổ chức dạy học bài mới.**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý

- Thời gian :5’

- Phương pháp + Kĩ thuật: thuyết trình, vấn đáp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** | **Ghi chỳ** |
| Lớp 6, các em đã tìm hiểu về danh từ, động từ, tính từ và hiểu đ­ược chức năng của chúng - dùng để làm tên gọi của sự vật, hiện t­ợng, họat động, tính chất một cách trực tiếp. Tuy nhiên trong tiếng Việt cũng có một từ loại khác có thể thay thế đ­ợc danh từ, động từ, tính từ và đư­ợc dùng để gọi tên sự vật theo cách gián tiếp - Đó là đại từ. Vậy đại từ là gì? Có bao nhiêu loại đại từ, bài học hôm nay chúng ta đi vào tìm hiểu. | \* Nghe, ghi bài |  |  |

**Hoạt động 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Mục tiêu: Nắm được khái niệm đại từ và các loại đại từ.

- Thời gian :20’

- Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp gợi tìm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ*** | GHI BẢNG | **Ghi chú** |
| **1: Tìm hiểu khái niệm đại từ.**  \_ Gọi HS đọc 4 VD ở SGK/ 54, 55.  \_ Xác định những từ in đậm trong các vd.  GV hướng dẫn học sinh trả lời những câu hỏi trong SGK  - Từ ***nó*** trong đoạn văn **a** trỏ ai?  - Từ ***nó*** trong đoạn văn **b** trỏ con gì?  🡺 Nhờ đâu em biết được nghĩa của 2 từ “***nó***” trong 2 đoạn văn trên.  - Từ ***thế*** trong đoạn văn **c** trỏ sự việc gì? 🡺 Nhờ đâu em hiểu được nghĩa của từ “***thế***” trong đoạn văn này?  - Từ ***ai*** trong bài ca dao dùng để làm gì?  🡺 Các từ “***nó, thế, ai***…” ta gọi là đại từ .  Vậy đại từ là gì?  (?)Các từ ***“nó, thế, ai”*** giữ vai trò ngữ pháp gì trong câu, ở đoạn văn trên.  **2: Tìm hiểu các loại đại từ.**  (?) Qua các vd đã tìm hiểu trên và căn cứ vào tác dụng đại từ, em hãy cho biết đại từ có thể chia làm mấy loại?  **(GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi trong SGK và ghi vào vở kết luận về các loại đại từ)**  a. Đại từ dùng để trỏ:  \_ Các đại từ **: tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao, chúng tớ, mày, chúng mày, nó, hắn, họ.** … trỏ gì?  \_ Các đại từ**bấy, bấy nhiêu**trỏ gì?  ***\_*** Các đại từ **vậy, thế** trỏ gì?  b. Đại từ để hỏi:  \_ Các đại từ **ai, gì** … hỏi về gì?  \_ Các đại từ **bao nhiêu, mấy …** hỏi về gì?  **\_** Các đại từ **sao, thế nào …** hỏi về gì?  **3: Tổng kết**  Cho HS lên bảng điền vào sơ đồ phân loại đại từ đã kẻ sẵn  HS đọc ghi nhớ SGK / 55, 56 | HS đọc, phát hiện.  \_ Trỏ “***em tôi***” 🡪 người.  \_ Trỏ “***con gà***” 🡪 con vật  🡺 Nhờ vào ngữ cảnh của đoạn văn.  \_ Trỏ lời nói của bà mẹ 🡺 Nhờ vào câu thứ nhất trong đoạn văn.  \_ Từ “***ai”*** trong bài ca dao dùng để hỏi  **HS phát biểu**  a- **Nó** : chủ ngữ  b- **nó** : phụ ngữ (định ngữ) cho danh từ  c- **thế** : phụ ngữ (bổ ngữ) cho động từ  d- **ai** : chủ ngữ.  **HS phát biểu theo SGK**.  **HS phát biểu theo SGK.**  \_ Đại từ chia làm 2 loại: Đại từ dùng để trỏ và để hỏi.  \_ Các từ trên dùng để trỏ người, sự vật.  \_ Các đại từ ***bấy, bấy nhiêu*** dùng để trỏ số lượng.  \_ Các đại từ ***vậy, thế*** dùng để trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.  \_ Các đại từ ***ai, gì*** … hỏi về người, sự vật.  \_ Các đại từ ***bao nhiêu, mấy*** hỏi về số lượng.  \_ Các đại từ ***sao, thế nào*** hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc. | **I. TÌM HIỂU BÀI:**  **1. Thế nào là đại từ**:  ***Khái niệm:***  VD:  a- Phải nói em tôi rất ngoan. **Nó** lại khéo tay nữa. CN  🡪 Trỏ người.  b. … con gà của anh Bốn Linh. ***Tiếng*** **nó** dõng dạc nhất xóm  Định ngữ của DT  🡪 Trỏ vật.  c. … Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.  Vừa nghe ***thấy*** **thế …**  Phụ ngữ của ĐT  🡪 Trỏ hoạt động.  d. **Ai** làm cho bể kia đầy  CN  🡪 Hỏi người.  🡺 *ĐẠI TỪ*  **GHI NHỚ:**  **(SGK trang 55)**  **2. Các loại đại từ:**    ***a. Đại từ để trỏ:***  \_ Trỏ người, sự vật (đại từ xưng hô).  \_ Trỏ số lượng.  \_ Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.  ***b. Đại từ để hỏi:***  \_ Hỏi người, sự vật.  \_ Hỏi về số lượng.  \_ Hỏi về hoạt động, tính chất, sự vật  **GHI NHỚ:**  **(SGK trang 56)**  **II. LUYỆN TẬP:** |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH.**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Thời gian***: 20- 22 phút.

***\* Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, bản đồ tư duy.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Gọi HS lên bảng điền BT 1.a như sơ đồ SGK/56  - Nhận xét, kết luận  - Giao cho HS làm miệng nhanh BT1.b  - Gợi ý:  + Ngôi 1; người nói tự xưng.  + Ngôi 2; người đối thoại với mình.  + Ngôi 3; người, vật được nói tới.  + Y/c các nhóm trao đổi, thảo luận, cử đại diện trình bày.  + Nhận xét, sửa chữa. | \* 1 HS lên bảng, lớp làm vào PHT.  ->HS dưới lớp nhận xét  \* Nghe, ghi chép  \* Làm miệng, cá nhân  \* Trao đổi 2 bàn (3’) làm bài tập theo nhóm.  -> Cử đại diện trình bày.  -> Theo dõi phần trình bày của bạn để nhận xét, bổ sung. | **IV. Luyện tập**  Bài 1/56  a, Tìm và phân loại đại từ xưng hô.  + Ngôi 1 số ít: Tôi, ta, tao, tớ, tui, mình./ Số nhiều: Chúng tao, chúng ta.  + Ngôi 2 số ít: cậu, bạn, mày, bay, mi./ Số nhiều: Chúng mày..  + Ngôi 3 số ít: Nó, hắn, y, thị./ Số nhiều: Chúng nó, họ  b, Xác định nghĩa cuả đại từ trong câu.  - *Mình* trong câu nói.  - *Mình* trong bài ca dao chỉ người đối thoại.  Bài 2/57.  Tìm VD về danh từ chỉ người được ding như đại từ xưng hô.  VD: Anh, chị, em, cậu, mợ, thím.  Bài 4, 5/57  + Số lượng: từ xưng hô tiếng Việt nhiều hơn, phong phú, đa dạng hơn.  + ý nghĩa biểu cảm: Đại từ xưng hô TV đậm sắc thái biểu cảm. ( vì người Việt thường bộc lộ trực tiếp quan hệ của người nói với người nghe). |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **Ghi chú** |
| Gv giao bài tập  **Có thể vận dụng linh hoạt một số hình thức bài tấp sau:**  ⏶ Đại từ nào sau đây không phải để hỏi về không gian?  A. Ở đâu. C. Nơi đâu.  ***(B). Khi nào.*** D. Chỗ nào.  ⏶Đại từ là gì?  -*Dùng để trỏ người, sự vật, họat động, tính chất………được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.* | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **Ghi chú** |
| Gv giao bài tập  - Xác định đại từ trong các VB: Những câu hát về t/c gia đình, những câu hát về t/y quê hương, đất nước, con người. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... | …………….. |  |

**Bước IV. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

***1. Bài cũ:***

- Học thuộc ghi nhớ, hoàn thành các bài tập còn lại.

- Đọc thêm SGK/58

***2. Bài mới:***

- Chuẩn bị bài Luyện tập quá trình tạo lập VB

+ Đọc và làm phần chuẩn bị ở nhà.